

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Bản án số: 695/2023/HNGĐ-PT
Ngày 27-6-2023
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trang.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Lệ Uyên;

Bà Nguyễn Hoàng Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2022/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 366/2022/HNGĐ-ST ngày 06/5/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 74/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1978; cư trú tại: T, số G N, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Bưu điện tỉnh B, số D, đường Q, phường T, Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hải L, sinh năm 1979; cư trú tại: A lô A, chung cư A N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Lam G, sinh năm 1964; cư trú tại: A lô A, chung cư A N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bà Lê Thị Lan A, sinh năm: 1977; cư trú tại: P, tập thể đường sắt, 14 N, V, Đ, Hà Nội (có đơn xin vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm: 1972; cư trú tại: Số A đường N, N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (có đơn xin vắng mặt).

- Bà Lê Thị Thanh H2, sinh năm: 1973; cư trú tại: Số G ngách B ngõ A Y, quận Đ, Thành phố Hà Nội (có đơn xin vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn – bà Nguyễn Thị Hải L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Lam G.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn – ông Nguyễn Mạnh H trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Hải L tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 01 ngày 26/01/2006 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không phù hợp về tính tình và lối sống, thiếu sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông và bà L đã không còn sống chung khoảng 03 năm nay nên ông yêu cầu ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị Hải L có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc M, giới tính: Nữ, sinh ngày 24/01/2007 và Nguyễn Trí D, giới tính: Nam, sinh ngày 03/02/2012. Ông H đồng ý giao hai con chung cho bà L trực tiếp nuôi và ông H cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị Hải L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị Hải L trình bày:

Bà thống nhất lời trình bày của ông H về quan hệ hôn nhân và con chung.

Về quan hệ hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Mạnh H.

Về con chung: Bà yêu cầu giao 02 con chung tên Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 24/01/2007 và Nguyễn Trí D, sinh ngày 03/02/2012 cho Bà trực tiếp nuôi và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Bà và ông Nguyễn Mạnh H không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hải L yêu cầu giải quyết các khoản nợ sau:

- Bà và ông H có mượn bà Lê Thị Lan A số tiền 272.000.000 đồng. Đây là khoản tiền bà và ông H mượn trong thời kỳ hôn nhân để thanh toán tiền mua đất. Việc mượn tiền này có giấy ghi nhận nợ, hiện do bà Lan A đang giữ, có thỏa thuận lãi suất là 2.000.000 đồng/tháng, không có thế chấp. Nay Bà yêu cầu ông H có trách nhiệm liên đới cùng với B để trả cho bà Lê Thị Lan A số tiền 272.000.000 đồng (cụ thể mỗi người phải trả 136.000.000 đồng).

- Bà và ông H có mượn của bà Lê Thị Thanh H2 số tiền 120.000.000 đồng. Bà đã trả trước số tiền 100.000.000 đồng. Hiện còn nợ lại bà H2 số tiền 20.000.000 đồng. Bà H2 không có yêu cầu bà và ông H trả số tiền nợ còn lại. Tuy nhiên Bà yêu cầu ông H nên trả lại số tiền còn nợ là 20.000.000 đồng. Vì bà đã trả cho bà H2 số tiền 100.000.000 đồng.

- Bà và ông H có nợ bà Nguyễn Thị Lam G số tiền 252.000.000 đồng. Đây là khoản tiền mượn để mua nhà đất và trả tiền mua đất dự án C. Khi mượn tiền hai bên không có viết giấy mượn nợ, khoản tiền 200.000.000 đồng đóng cho dự án Cát Tường Phú S thì có biên lai đóng tiền, riêng số tiền 52.000.000 đồng không có giấy vay mượn, không có thỏa thuận lãi suất, không có thể chấp. Nay Bà yêu cầu ông H có trách nhiệm liên đới cùng với Bà trả cho bà Nguyễn Thị Lam G số tiền 252.000.000 đồng (cụ thể mỗi người phải trả 126.000.000 đồng).

- Bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H1 phải trả cho B và ông H số tiền nợ 230.000.000 đồng. Đây là khoản tiền còn thiếu do bà H1 mua căn nhà tại địa chỉ: Ngõ B K, phường K, quận T, thành phố Hà Nội với giá 1.200.000.000 đồng, nhưng bà H1 mới trả 970.000.000 đồng, thông qua chuyển khoản cho bà G, còn nợ lại 230.000.000 đồng. Việc mua bán nhà và thỏa thuận thanh toán thực hiện bằng lời nói, các thành viên trong nhà ông H đều biết. Đối với khoản nợ này không có giấy biên nhận nợ, ngoài lời khai bà không còn tài liệu chứng cứ nào để chứng minh nên bà không thể cung cấp cho Tòa án theo yêu cầu của Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu số 328/2021/QĐ-CCTLCC ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú. Nay bà yêu cầu bà H1 phải trả cho B và ông H số tiền 230.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả một lần sau khi bản án quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về nợ chung: Ông Nguyễn Mạnh H trình bày ý kiến đối với các khoản nợ như bà L yêu cầu như sau:

+ Đối với khoản nợ bà Lê Thị Lan A số tiền 272.000.000 đồng, do bà Lan A không yêu cầu Tòa Án giải quyết nên ông H không có ý kiến đối với khoản nợ này. Khi nào, bà Lan A khởi kiện yêu cầu trả nợ, ông đồng ý giải quyết trong vụ án khác.

+ Đối với khoản nợ bà Lê Thị Thanh H2 số tiền 120.000.000 đồng, do bà H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ông H không có ý kiến đối với khoản nợ này. Khi nào, bà Thanh H2 khởi kiện yêu cầu trả nợ, ông đồng ý giải quyết trong vụ án khác.

+ Đối với khoản nợ bà Nguyễn Thị Lam G số tiền 252.000.000 đồng, ông H yêu cầu bà G phải cung cấp bản chính của giấy vay tiền. Ông xác định không nợ bà Lam G số tiền trên nên ông không đồng ý trả nợ cho bà G.

+ Đối với ý kiến của bà L về việc bà Nguyễn Thị Thu H1 có nợ ông H, bà L số tiền 200.000.000 đồng, ông H xác định bà H1 không có nợ ông và bà L số tiền 200.000.000 đồng nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Lê Thị Lan A có đơn xin vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến như sau:

Tháng 8/2011, bà Nguyễn Thị Hải L đang mang bầu nên công việc của bà L không ổn định, kinh tế gia đình phụ thuộc vào chồng bà là Nguyễn Mạnh H, lo rằng sẽ khó khăn về tài chính khi mình sinh nở nên bà L có đề nghị mượn bà Lan A số tiền 272.000.000 (hai trăm bảy mươi hai triệu) đồng. Bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Khi có yêu cầu, Bà sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Lê Thị Thanh H2 có đơn xin vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến như sau:

Trong khoản thời gian từ năm 2010 đến 2012 bà H2 cho bà L vay nhiều lần với tổng số tiền 120.000.000 đồng nhưng không làm giấy tờ vay mượn, không xác định thời hạn trả nợ, không thế chấp bất cứ tài sản nào và không tính lãi. Bà L đã trả cho bà H2 số tiền 100.000.000 đồng, hiện bà L còn nợ bà H2 số tiền 20.000.000 đồng, tuy nhiên bà H2 không yêu cầu ông H và bà L phải trả số tiền này trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Lam G trình bày ý kiến: Bà xác nhận hiện nay ông H và bà L còn nợ bà số tiền 252.000.000 đồng. Đây là số tiền bà G ứng trước cho ông H và bà L mua chung cư 584 và đóng tiền trả góp dự án đất Cát Tường Phú Sinh nhưng đến nay ông H và bà L chưa thanh toán lại cho bà. Các bên không có xác nhận nợ với nhau, không có thỏa thuận tiền lãi, không có thế chấp tài sản, nên bà không thể cung cấp cho Tòa án theo yêu cầu tại Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 329/2021/QĐ-CCTLCC ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú. Nay bà yêu cầu ông H và bà L phải trả số tiền còn nợ là 252.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn thị Thu H3 có đơn xin vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến như sau:

Bà khẳng định không có một khoản cam kết hay thỏa thuận vay mượn nào đối với ông H và bà L. Bà không vay khoản tiền 200.000.000 đồng của ông H và bà L như lời bà L đã trình bày. Bà yêu cầu bà L cung cấp giấy vay nợ bản chính hoặc các giấy tờ bản sao có công chứng làm bằng chứng về những thỏa thuận vay nợ của hai bên cho Tòa án để xem xét giải quyết theo đúng luật định.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 366/2022/HNGĐ-ST ngày 06/5/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú quyết định:

“1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Mạnh H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hải L.

Quan hệ hôn nhân của ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị Hải L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyền số 01 ngày 26/01/2006 của Ủy ban nhân

dân xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang chấm dứt từ ngày bản án Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 24/01/2007 và Nguyễn Trí D, sinh ngày 03/02/2012 cho bà Nguyễn Thị Hải L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho hai con mỗi tháng là 4.000.000 (bốn triệu) đồng (cụ thể mỗi trẻ 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng). Bắt đầu thực hiện từ tháng 06/2022 cho đến khi con chung lần lượt thành niên.

Khi lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông H được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội L1), Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng phải chịu mức tiền lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông H xác định hai bên tự thỏa thuận, bà L xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung:

Tách yêu cầu giải quyết nợ chung của bà Nguyễn Thị Hải L đối với khoản nợ của bà Lê Thị Thanh H2 và bà Lê Thị Lan A để giải quyết ở vụ án khác nếu bà Lan A và bà Thanh H2 có yêu cầu.

Tách yêu cầu giải quyết nợ chung của bà Nguyễn Thị Hải L đối với khoản nợ của bà Nguyễn Thị Thu H1 để giải quyết ở vụ án khác nếu bà Hải L có căn cứ chứng minh cho yêu cầu của mình.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Hải L đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Lam G và buộc bà Nguyễn Thị Hải L phải trả cho bà Nguyễn Thị Lam G số tiền là 126.000.000 (một trăm hai mươi sáu triệu) đồng.

Kể từ ngày bà G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà L không thi hành khoản tiền nợ, thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Tách yêu cầu của bà Nguyễn Thị Lam G về việc buộc ông Nguyễn Mạnh H phải trả cho bà Nguyễn Thị Lam G số tiền 126.000.000 đồng để giải quyết ở vụ án khác nếu bà Lam G có căn cứ chứng minh cho yêu cầu của mình.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông Nguyễn Mạnh H chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông H đã nộp theo Biên lai thu số AA/2017/0011899 ngày 21/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Ông H còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Hải L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.300.000 (sáu triệu ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 (năm triệu) đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0020383 ngày 03/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Bà L phải tiếp tục nộp thêm số tiền án phí là 1.300.000 (một triệu ba trăm nghìn) đồng.

H4 cho bà Nguyễn Thị Lam G số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 (năm triệu) đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0020384 ngày 03/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú và số tiền tạm ứng án phí 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0020669 ngày 06/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.”

Ngoài ra, Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo của các đương sự và việc thi hành án.

Ngày 19/5/2022, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú ban hành Quyết định kháng nghị số 6/QĐKNPT-VKS-HNGĐ, đề nghị hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 366/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú về phần nợ chung của ông Nguyễn Mạnh H, bà Nguyễn Thị Hải L và bà Nguyễn Thị Lam G theo hướng đình chỉ giải quyết yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Lam G, không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hải L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H1 trả số tiền 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng và sửa án phí sơ thẩm.

Ngày 15/6/2022, bà Nguyễn Thị Lam G và bà Nguyễn Thị Hải L có đơn kháng cáo đối Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 366/2022/HNGĐ-ST ngày 06/5/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn – bà Nguyễn Thị Hải L trình bày: Bà yêu cầu sửa án sơ thẩm, bà kháng cáo về mức cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu ông H cấp dưỡng là 7.000.000 đồng/tháng cho cả 2 cháu, cấp dưỡng từ ngày 14/8/2019 là ngày bà thực tế nuôi 2 con tại thành phố Hồ Chí Minh. Yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H1 trả cho bà và ông H số tiền nợ 230.000.000 đồng. Bà xác nhận vợ chồng bà còn nợ bà Nguyễn Thị Lam G số tiền 252.000.000 đồng và đồng ý trả khoản nợ này cho bà G.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Lam G trình bày: Bà yêu cầu sửa án sơ thẩm, bà yêu cầu ông H và bà L có trách nhiệm trả nợ

cho bà số tiền 252.000.000 đồng, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Về thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng, Tòa cấp sơ thẩm đã thực đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Bà G không đến tòa theo giấy triệu tập xem như bà G đã từ bỏ quyền lợi của mình, do đó, không chấp nhận kháng cáo của bà G.

Tòa cấp sơ thẩm cũng đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho bà L. Bà L không nộp chứng cứ nào về khoản nợ cho bà H1 vay, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà L và buộc bà L chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

Đề nghị cấp phúc thẩm hủy 1 phần bản án dân sự sơ thẩm số 366/2022 ngày 5/6/2022 của TAND Quận Tân Phú về phần nợ chung của ông Nguyễn mạnh H5, bà Nguyễn Thị Hải L đối với bà Nguyễn Thị Lam G theo hướng đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn – bà Nguyễn Thị Hải L và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Lam G còn trong thời hạn luật định.

Quyết định kháng nghị số 6/QĐKNPT-VKS-HNGĐ ngày 19/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú còn trong thời hạn luật định.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú và yêu cầu kháng cáo của bị đơn – bà Nguyễn Thị Hải L và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Lam G:

Bà Nguyễn Thị Hải L yêu cầu ông Nguyễn Mạnh H cấp dưỡng nuôi con là 7.000.000 đồng/tháng (cho cả 2 con), cấp dưỡng từ ngày 14/8/2019. HĐXX xét thấy: mức cấp dưỡng nuôi con phải căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thực tế của người cấp dưỡng. Bà L không biết thu nhập của ông H hàng tháng được bao nhiêu, tại phiên tòa phúc thẩm ông H có đơn xin vắng mặt. Tòa cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông mỗi tháng là 4.000.000 đồng/tháng là có cơ sở chấp

nhận. Việc cấp dưỡng thực hiện ngay sau khi xét xử sơ thẩm. Do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L về mức cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Hải L có yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H1 trả số tiền 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng. Tuy nhiên bà H1 không thừa nhận có vay nợ, trong quá trình giải quyết vụ án bà L cũng không cung cấp giấy vay nợ, cũng không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Tại phiên tòa phúc thẩm bà L cho biết khoản nợ bà H1 còn thiếu là do bà H1 mua nhà của bà nhưng chưa trả hết tiền mua nhưng lại không xuất trình được hợp đồng mua bán nhà hoặc giấy tờ chứng minh số tiền nợ, bà L cho rằng do là chị em trong gia đình nên không làm giấy tờ gì cả. Do đó, yêu cầu khởi kiện này của bà L là không có căn cứ. Nhưng Tòa cấp sơ thẩm lại tuyên xử “Tách yêu cầu giải quyết nợ của bà L đối với bà H1 ở vụ án khác nếu sau này bà L có căn cứ chứng minh cho yêu cầu của mình” là chưa phù hợp, trong trường hợp này Tòa cấp sơ thẩm phải xem xét yêu cầu khởi kiện của bà L, xét thấy do yêu cầu khởi kiện này của bà L không có căn cứ, và phải tuyên xử là “không chấp nhận yêu cầu của bà L” là mới đúng. Và căn cứ vào khoản 1 điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án, thì bà L còn phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm không buộc bà L chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là có sai sót.

[3] Bà Nguyễn Thị Lam G có yêu cầu phản tố “Yêu cầu ông H, bà L liên đới trả cho bà số tiền 252.000.000 đồng”. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà G 2 lần vắng mặt tại phiên tòa không có lý do và không có đơn xin rút yêu cầu độc lập. Cấp phúc thẩm kiểm tra các thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà G thì xét thấy cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm d Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa thì bị coi là từ bỏ yêu cầu độc lập và Tòa án quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của người đó, trừ trường hợp người đó có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu độc lập đó theo quy định của pháp luật”*.

Căn cứ quy định của pháp luật, Tòa cấp sơ thẩm phải đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà G, nhưng vẫn xem xét giải quyết là chưa đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự nên cấp phúc thẩm sẽ sửa phần này.

[4] Từ những căn cứ trên, có cơ sở chấp nhận 1 phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú; không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn – bà Nguyễn Thị Hải L và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Lam G.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo – bà L, bà G không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 147; Khoản 2 Điều 148; Khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19; Điều 27; Điều 37; Khoản 1, Điều 56; Điều 60; Khoản 2, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 366/2022/HNGĐ-ST ngày 06/5/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú,

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Mạnh H được ly hôn bà Nguyễn Thị Hải L.

- Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 24/01/2007 và Nguyễn Trí D, sinh ngày 03/02/2012 cho bà Nguyễn Thị Hải L trực tiếp nuôi. Ông Nguyễn Mạnh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con 2.000.000 (hai triệu) đồng một tháng, thực hiện vào ngày 6 Tây dương lịch hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 6/6/2022 cho đến khi con chung lần lượt trưởng thành.

Ông Nguyễn Mạnh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, các bên có thể thỏa thuận thay đổi mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về quan hệ tài sản chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung:

Bà Lê Thị Lan A và bà Lê Thị Thanh H2 có quyền khởi kiện lại bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hải L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H1 phải trả cho B và ông H số tiền 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Lam G yêu cầu ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị Hải L phải trả cho bà Nguyễn Thị Lam G số tiền 252.000.000 (hai trăm năm

mười hai triệu) đồng, cụ thể mỗi người phải trả 126.000.000 (một trăm hai mươi sáu triệu) đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Mạnh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Hải L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đối với yêu cầu bà H1 thực hiện nghĩa vụ về tài sản không được Tòa án chấp nhận nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 (năm triệu) đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0020383 ngày 03/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Sung vào công quỹ nhà nước số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị Lam G đã nộp là 6.250.000 (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0020384 ngày 03/01/2020 và Biên lai thu số AA/2019/0020669 ngày 06/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Hải L và bà Nguyễn Thị Lam G không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho Bà Nguyễn Thị Hải L và bà Nguyễn Thị Lam G số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0035788 ngày 20 tháng 6 năm 2022 và AA/2021/0035787 ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân quận Tân Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT (TT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Trang

